

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 Tháng 8 năm 2023*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

Khai thác và phát triển nguồn gen cá vồ cừ (*Pangasius sanitwongsei* Smith, 1931)  
NVQG-2020/ĐT.12

Thuộc:

- Chương trình (*tên, mã số chương trình*): Bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

- Khác (*ghi cụ thể*):

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

1. **Mục tiêu chung:** Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất giống và mô hình thử nghiệm nuôi thương phẩm phục vụ tái tạo nguồn lợi và phát triển nguồn gen cá vồ cừ.

2. **Mục tiêu cụ thể:**

- Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất giống cá Vồ cừ đạt các chỉ tiêu: tỷ lệ thành thực  $\geq 70\%$ , tỷ lệ cá đẻ  $\geq 50\%$ , tỷ lệ thụ tinh  $\geq 80\%$ , tỷ lệ nở  $\geq 60\%$ , tỷ lệ sống từ cá bột lên cá hương  $\geq 30\%$ , tỷ lệ sống từ cá hương lên cá giống  $\geq 50\%$ .

- Xây dựng 01 mô hình thử nghiệm nuôi thương phẩm cá Vồ cừ: mô hình nuôi đơn trong ao, khối lượng trung bình khi thu hoạch  $\geq 1,5$  kg, sản lượng  $> 3$  tấn.

- Xây dựng được đàn cá bố mẹ: 60 con, kích cỡ  $\geq 5$ kg/con, tỷ lệ đực/cái 1:1; sản xuất được cá giống: 100.000 con, kích cỡ 6 - 8 cm/con phục vụ nuôi thương phẩm.

- Đăng được 02 bài báo trên tạp chí chuyên ngành; tham gia đào tạo 01 thạc sỹ.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. Huỳnh Hữu Ngãi

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II

5. Tổng kinh phí thực hiện: 4.040 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 4.040 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: tháng 9/2020

Kết thúc: Tháng 8/2023

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (*nếu có*):



7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1	ThS. Huỳnh Hữu Ngãi	Chủ nhiệm đề tài	Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II
2	CN. Hà Thị Ngọc Nga	Thư ký đề tài	Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy Sản II
3	ThS. Trần Hữu Phúc	Thành viên chính	Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II
4	ThS. Thi Thanh Vinh	Thành viên chính	Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy Sản II
5	ThS. Đặng Văn Trường	Thành viên chính	Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II
6	KS. Phạm Đăng Khoa	Thành viên chính	Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II
7	ThS. Nguyễn Văn Hiệp	Thành viên	Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II
8	TS. Nguyễn Văn Sáng	Thành viên	Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II
9	TS. Lê Hồng Phước	Thành viên	Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II
10	TS. Phạm Văn Khánh	Thành viên	Thành viên độc lập

## II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

### 1. Về sản phẩm khoa học:

#### 1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1	Đàn cá hậu bị	x		x					x	
2	Cá vô cờ giống			x					x	
3	Quy trình sản xuất giống		x			x			x	
4	Cá thương phẩm		x			x			x	
5	Quy trình nuôi thương phẩm		x			x			x	
6	Báo cáo		x			x			x	
7	Đào tạo		x			x			x	

#### 1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1	Quy trình sản xuất giống cá vô cờ	2024	Trung tâm QGGTSNN Nam Bộ	
2	Quy trình nuôi thương phẩm cá vô cờ	2004	Trung tâm Khuyến nông ở ĐBSCL	Khi được công nhận TBKT cấp cơ sở

#### 1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú

### 2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Đề tài thực hiện theo cách tiếp cận từ phương pháp kế thừa → phương pháp thực nghiệm → phương pháp kiểm nghiệm. Với cách tiếp cận như vậy để triển khai thực hiện

đề tài, từ đó lựa chọn và xây dựng được các giải pháp kỹ thuật có hiệu quả để đáp ứng mục tiêu đề ra. Đến nay, đề tài đã thực hiện xong các nội dung nghiên cứu và đã xây dựng được 02 quy trình kỹ thuật (Quy trình sản xuất giống và Quy trình nuôi thương phẩm cá vồ cừ). Với phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận có tính khoa học và logic, 02 quy trình kỹ thuật có tính mới thể hiện sự sáng tạo có sự ổn định. Khi được áp dụng đúng các quy trình vào sản xuất sẽ bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thành công của đề tài tạo ra nguồn cá giống bổ sung nguồn lợi tự nhiên tránh nguy cơ bị tuyệt chủng. Đồng thời chủ động cung cấp con giống cho nuôi thương phẩm, từ đó làm giảm áp lực khai thác quá mức nguồn lợi tự nhiên giúp duy trì đa dạng sinh học.

Chủ động cung cấp con giống cho nguồn nuôi làm đa dạng phong phú thành phần giống loài trong nuôi trồng thủy sản. Kết quả của đề tài này có ý nghĩa khoa học để làm cơ sở khoa học cho những nghiên cứu tương tự trên những đối tượng cá da trơn có giá trị kinh tế và bảo tồn lưu giữ nguồn gen khác Quy trình nuôi thương phẩm cá vồ cừ trong ao có thể được tập huấn chuyển giao rộng rãi trong các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL.

### 3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

#### 3.1. Hiệu quả kinh tế

Cá vồ cừ nuôi thương phẩm trong ao là đối tượng nuôi mới, đề tài triển khai mô hình đầu tiên được thử nghiệm tương đối bài bản và cho kết quả khá khả thi. Sau 20 tháng nuôi, ao nuôi mật độ 1-1,5 con/m<sup>2</sup> có tỷ lệ sống là >62%, kích cỡ cá thu hoạch đạt trung bình >2,0 kg/con và năng suất >13,4 tấn/ha; và bước đầu cũng đã cho thấy hiệu quả kinh tế với lợi nhuận >912 triệu đồng/ha.

Cá vồ cừ có kích thước lớn, tăng trưởng nhanh, chất lượng thịt thơm ngon và ít xương bắt đầu được người tiêu dùng ưa thích. Ở ĐBSCL cũng đang bắt đầu phát triển nuôi một số loài cá da trơn có giá trị kinh tế cao như cá bông lau, cá tra bần; vì vậy, cá vồ cừ sẽ là đối tượng góp phần làm đa dạng loài nuôi và góp phần tạo thêm sinh kế cho người dân vùng ĐBSCL.

#### 3.2. Hiệu quả xã hội

Đề tài thành công trong sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá vồ cừ, sẽ góp phần chủ động sản xuất giống phục vụ công tác tái tạo nguồn lợi thủy sản ngoài tự nhiên. Việc chủ động trong sản xuất giống để có nguồn giống cung cấp cho nuôi thương phẩm, và quy trình công nghệ về nuôi thương phẩm khi được chuyển giao đến địa phương vùng ĐBSCL sẽ góp phần đa dạng hoá đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao và tạo thêm sinh kế (việc làm, thu nhập) cho người dân vùng ĐBSCL.

### III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

#### 1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

#### 2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt

- Không đạt



Giải thích lý do:

Đề tài này được thực hiện trong thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 8/2023 và mỗi năm đều thực hiện báo cáo tổng kết năm trước Hội đồng KH&CN cấp Viện. Sau mỗi năm thực hiện, Hội đồng KH&CN cấp Viện đã đánh giá và yêu cầu thực hiện những điều chỉnh để đề tài đạt mục tiêu đề ra. Nhóm thực hiện đề tài đã thực hiện nghiêm túc, bám sát mục tiêu và nội dung nghiên cứu để triển khai các công việc theo TMĐC và hợp đồng ký kết. Đề tài được thực hiện đúng tiến độ, có giá trị khoa học và thực tiễn.

Đề tài cũng đã thực hiện và hoàn thành các sản phẩm khoa học, riêng sản phẩm sản phẩm dạng I đạt ở mức vượt chỉ tiêu đề ra theo TMĐC và hợp đồng ký kết; và các sản phẩm dạng II, III và IV đều đạt chỉ tiêu đề ra theo TMĐC và hợp đồng ký kết.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**  
(*Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký*)

ThS. Huỳnh Hữu Ngãi

**THỦ TRƯỞNG**  
**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**  
(*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*)



**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

**Phan Thanh Lâm**

